

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24 - 8 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Tấn Lãm

Ông Ngô Văn Tám

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Vũ Thị C, sinh năm 1991 “có mặt”;

***- Bị đơn:*** Ông Trần Minh T, sinh năm 1991 “có đơn xin vắng mặt”;

Cùng nơi cư trú: thôn M, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***1. Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Vũ Thị C trình bày:***

***- Về hôn nhân:*** bà Vũ Thị C và ông Trần Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đến ngày 26/8/2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng bà C, ông T có hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình thường xuyên uống rượu, bia về nhà có

hành vi bạo hành (đánh đập) bà C. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng ông C vẫn không có sự thay đổi. Nay bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Minh T.

- Về con chung: Bà C và ông T có 02 người con chung là Trần Minh B, sinh ngày 28/4/2010 và Trần Minh L, sinh ngày 28/12/2013; khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng: bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Bị đơn ông Trần Minh T tại bản tự khai ngày 01/8/2022 trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Ông Tuấn thống nhất với lời trình bày của bà C về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nay, ông T cũng xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông T và bà C có 02 người con chung là Trần Minh B, sinh ngày 28/4/2010 và Trần Minh L, sinh ngày 28/12/2013; khi ly hôn ông T đồng ý giao các con chung cho bà C là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về việc T theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị C được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Giao 02 người con chung là Trần Minh B, sinh ngày 28/4/2010 và Trần Minh L, sinh ngày 28/12/2013 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết bà Vũ Thị C khởi kiện ông Trần Minh T yêu cầu ly hôn quy định tại quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn ông Trần Minh T có nơi cư trú cuối cùng tại xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Trần Minh T đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông T.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Vũ Thị C và bị đơn ông Trần Minh T cùng thừa nhận tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đến ngày 26/8/2013 có đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, T thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/02/2022, lời trình bày tại bản tự khai ngày 03/3/2022 của bà C, bản tự khai ngày 01/8/2022 của ông T và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng giữa bà C, ông T chung sống với nhau không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình thường xuyên uống rượu, bia về nhà có hành vi bạo hành (đánh đập) bà C. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án cả bà C và ông T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C. Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị C và ông Trần Minh T.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa bà C và ông T có 02 người con chung là Trần Minh B, sinh ngày 28/4/2010 và Trần Minh L, sinh ngày 28/12/2013; khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án giữa nguyên đơn bà C và bị đơn ông T cùng thỏa thuận thống nhất

giao các con chung cho bà C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên. Xét thấy, sự thỏa thuận của nguyên đơn bà C với bị đơn ông T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu L trong quá trình giải quyết vụ án nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết .

[6] Các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Vũ Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C.

**1.1.** Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị C và ông Trần Minh T.

**1.2.** Về nuôi con: Giao con chung Trần Minh B, sinh ngày 28/4/2010 và Trần Minh L, sinh ngày 28/12/2013 cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho bà C kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006103 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Bình Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Công**